

Bản án số: 15/2023/DS - ST

Ngày: 28 - 4 - 2023

V/v: *Kiện đòi tài sản*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Nga và bà Ngô Thị Thời

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 60/2022/TLST - DS ngày 04 tháng 11 năm 2022 về "Kiện đòi tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31/3/2023, giữa các đương sự:

Ng đơn: Chị Hoàng Thị Thu H, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Khu dân cư Vũ Thượng, phường Ái Quốc, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Chị Lê Thu Hòa, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Khu Tiền Trung, phường Ái Quốc, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Người làm chứng: Chị Lê Thị Hường, sinh năm 1972

Địa chỉ: Khu Tiền Trung, phường Ái Quốc, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Chị H vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt); chị Hòa, chị Hường có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án Ng đơn chị Hoàng Thị Thu H trình bày: Do có quen biết nên ngày 16/12/2015, tôi có cho chị Lê Thu Hòa vay số tiền 100.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận miệng là 1.500.000 đồng/ 1 tháng; ngày 14/3/2016, tôi cho chị Hòa vay thêm 50.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận miệng là 750.000 đồng/ 1 tháng. Tổng hai lần tôi cho chị Hòa vay là 150.000.000 đồng với lãi suất 2.250.000 đồng/ 1 tháng. Chị Hòa trả lãi đầy đủ từ khi vay đến hết

tháng 12/2018. Từ tháng 01/2019 đến nay chị Hòa chưa trả gốc và lãi; ngày 21/9/2019, tôi cho chị Hòa vay thêm 10.000.000 đồng và có cầm 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phạm Thị Thu do chị Hòa đưa cho làm tin đối với tổng số nợ chị Hòa vay, và hai bên thống nhất khi nào trả hết nợ thì tôi sẽ trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đó. Tôi xác định đến nay chị Hòa đang còn nợ tôi tổng số 160.000.000 đồng tiền gốc và 87.600.000 đồng tiền lãi (tính đến tháng 02/2022), tôi yêu cầu chị Hòa thanh toán cả tiền gốc và lãi. Chị H xác định việc cho chị Hòa vay tiền là tiền riêng của chị, không liên quan đến người khác.

Tại phiên hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án, chị H vẫn giữ Ng yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc chị Hòa phải trả 160.000.000 đồng tiền gốc, nhưng không yêu cầu chị Hòa trả tiền lãi.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác, bị đơn là chị Lê Thu Hòa trình bày: Ngày 16/12/2015 tôi có vay chị H số tiền 100.000.000 đồng; ngày 14/3/2016, tôi vay thêm chị H 50.000.000 đồng. Tổng hai lần tôi vay là 150.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận miệng là 1.500 đồng/ 1 triệu/ 1 ngày. Từ khi vay tôi đều trả đầy đủ tiền lãi, đến khoảng cuối năm 2018 – đầu năm 2019 tôi đã trả hết tiền gốc 150.000.000 đồng, đến nay chị H kiện đòi tôi số tiền nêu trên thì tôi không đồng ý.

Ngày 21/9/2019, tôi có viết giấy vay chị H 10.000.000 đồng, nhưng thực tế đó là tiền lãi phát sinh từ trước và có đưa cho chị H 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mượn của bà Ng để làm tin. Tôi xác định đến nay tôi đã trả đầy đủ cho chị H tiền gốc và tiền lãi, nhưng do tin tưởng chị H nên tôi không viết giấy trả nợ, không xuất trình được chứng cứ chứng minh việc trả nợ, tôi không chấp nhận khởi kiện của chị H.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Hòa có thay đổi lời khai, cụ thể: Chị Hòa thừa nhận có vay chị H nhiều lần với tổng số tiền 160.000.000 đồng, đã trả 50.000.000 đồng có sự chứng kiến của chị Lê Thị Hương. Chị Hòa xác định đến nay còn nợ chị H 110.000.000 đồng tiền gốc và đồng ý việc chị H không yêu cầu trả tiền lãi. Chị Hòa cũng khẳng định việc vay tiền chị H là sử dụng cho cá nhân, không liên quan đến ai.

Người làm chứng, chị Lê Thị Hương trình bày: Tôi là em chồng chị Lê Thu Hòa, tôi có nghe nói việc chị H cho chị Hòa vay 150 triệu đồng vào khoảng năm 2015/2016 và một lần 10 triệu đồng vào năm 2019. Tôi cũng là người nhiều lần cầm tiền lãi của chị Hòa trả cho chị H và đã trả 50 triệu tiền gốc vào tháng 5/2019 nhưng không viết giấy đã thanh toán.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Ng trình bày: Ngày 21/9/2019 tôi có chứng kiến chị Hòa hỏi vay tiền chị H, sau đó chị H cho chị Hòa vay 10 triệu đồng. Tôi có cho chị Hòa mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đưa cho chị H làm tin, Giấy đất số AL 522848, cấp ngày 12/6/2008, tên người sử dụng đất là Phạm Thị Thu, địa chỉ Thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương. Cháu Phạm Thị Thu là cháu họ tôi hiện đi làm ăn xa không có nhà, cháu có nhờ tôi cất giữ hộ giấy đất đó. Đến nay cô Hà đã trả lại tôi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên, tôi không đề nghị vấn đề trách

nhệm dân sự với cô Hòa và cô Hà. Đề nghị Tòa án không đưa tôi vào là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này nữa.

Tại phiên tòa:

Ng đơn, chị Hoàng Thị Thu H vắng mặt, tuy nhiên ngày 05/4/2023 chị H có lời khai đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, vẫn giữ Ng yêu cầu khởi kiện buộc chị Hòa phải trả 160 triệu đồng tiền nợ gốc, không yêu cầu trả lãi. Chị H đã trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Ng nên chị đề nghị bà Ng không tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Bị đơn, chị Lê Thu Hòa xác định có vay của chị H tổng số 160 triệu đồng, đã trả 50 triệu đồng từ năm 2019. Đến nay còn nợ chị H 110 triệu đồng tiền gốc, chấp nhận việc chị H không yêu cầu đòi tiền lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương phát biểu: Tòa án thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị H là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Quá trình xây dựng hồ sơ, thu thập chứng cứ, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Đối với Ng đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm các quy định điều: 70, 71, 72 của BLTTDS. Trong quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự không tự thỏa thuận được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án nên TAND thành phố Hải Dương đưa vụ án ra xét xử. Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 217 BLTTDS; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí, Tòa án giải quyết vụ án như sau: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Thu H, buộc chị Lê Thu Hòa phải có trách nhiệm thanh toán trả cho chị H số tiền 160.000.000 đồng; đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Thu H về việc yêu cầu chị Hòa phải trả lãi cho khoản tiền vay gốc; về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về kiện đòi tài sản. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Bị đơn có nơi cư trú tại khu Tiền Trung, phường Ái Quốc, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Giao dịch dân sự giữa chị H và chị Hòa thực hiện ở hai thời điểm cả trước và sau ngày Bộ luật

dân sự năm 2015 có hiệu lực, giao dịch dân sự của hai bên đang được thực hiện, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự 2015 nên áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án; Ng đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung vụ án và yêu cầu khởi kiện của Ng đơn, trình bày của bị đơn và các đương sự khác; căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[2.1] Việc chị Hoàng Thị Thu H cho chị Lê Thu Hòa vay nhiều lần với tổng số 160 triệu đồng tiền gốc được thể hiện tại giấy vay đề ngày 16/12/2015, ngày 14/3/2016 và ngày 21/9/2019, đều không có thời hạn vay, không ghi lãi suất. Yêu cầu khởi kiện của chị H đối với chị Hòa là có căn cứ; chị H và chị Hòa thỏa thuận miệng về việc trả lãi hàng tháng, chị Hòa đã trả đến hết tháng 12/2018, đến nay chị H chỉ yêu cầu chị Hòa trả tiền gốc, không yêu cầu trả lãi đến thời điểm xét xử, Hội đồng xét xử sẽ xem xét đình chỉ yêu cầu trả lãi của chị H đối với chị Hòa. Nhưng nếu sau khi Tòa án xét xử mà chị Hòa không trả đầy đủ tiền gốc thì phải chịu lãi suất theo quy định tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, sự tự nguyện không tính lãi đến ngày xét xử và yêu cầu về lãi suất chậm trả khi bản án có hiệu lực pháp luật của chị H là chính đáng nên cần được chấp nhận;

[2.2] Chị Lê Thu Hòa thừa nhận việc vay tiền của chị H ba lần theo giấy vay ghi ngày 16/12/2015, ngày 14/3/2016 và ngày 21/9/2019 với tổng số tiền 160 triệu đồng. Tại bản tự khai vào thời điểm giai đoạn đầu giải quyết vụ án chị Hòa khai đã trả hết số tiền gốc 160 triệu đồng và tiền lãi cho chị H. Tuy nhiên, đến sau thời điểm hòa giải thì chị Hòa lại thừa nhận còn nợ chị H 100 triệu đồng, đã trả 50 triệu đồng có sự chứng kiến của em chồng là chị Lê Thị Hường nhưng chị Hòa và chị Hường đều không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc đã trả nợ 50 triệu đồng cho chị H. Mặt khác, chị Hòa khai ngày 21/9/2019 có đưa cho chị H một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin vay thêm 10 triệu đồng trả tiền lãi phát sinh cho chị H đã mâu thuẫn với nhiều lời khai trả nợ xong cho chị H vào khoảng cuối năm 2018; chị Hòa cũng thừa nhận vào khoảng đầu năm 2022 chị H có hai lần gửi thông báo đòi nợ bằng văn bản nhưng chị không có ý kiến gì, cũng đồng ý với chị H việc không yêu cầu trả lãi đến thời điểm xét xử, cho nên cần xác định việc chị Hòa vay chị H số tiền 160 triệu đồng tiền gốc và chưa trả là hoàn toàn đúng.

[2.3] Về lãi suất: Ng đơn và bị đơn đều thừa nhận trong giấy vay không ghi lãi suất, nhưng có thỏa thuận miệng. Chị H trình bày đã thu lãi của chị Hòa từ khi vay đến đến tháng 12/2018 với mức lãi suất 1.500.000 đồng/ 1 tháng đối với khoản vay 100 triệu đồng; 750.000 đồng/ 1 tháng đối với khoản vay 50 triệu đồng. Còn chị Hòa lại trình bày vay với lãi suất 1.500 đồng/ 1 triệu/ 1 ngày và không nhớ rõ ngày cuối trả lãi là ngày nào. Ng đơn và bị đơn cũng không có tài liệu chứng minh cho lời khai của mình về lãi

suất, mặt khác đến nay hai bên không có tranh chấp về lãi suất và thống nhất không tính lãi suất cho số tiền gốc đến thời điểm xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét và giải quyết về lãi.

[2.4] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bà Nguyễn Thị Ng là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến làm việc, do bà cho chị Hòa mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phạm Thị Thu để chị Hòa đưa cho chị H làm tin trong việc vay tiền. Tuy nhiên, trước thời điểm xét xử, chị H đã trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đó cho bà Nguyễn Thị Ng, đến nay Ng đơn, bị đơn và bà Ng đều không có ý kiến và không đề nghị giải quyết vấn đề gì liên quan đến giấy chứng nhận sử dụng đất, cho nên Hội đồng xét xử không xem xét nội dung này và không triệu tập bà Ng tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3] Như vậy yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Thu H đối với số tiền 160 triệu đồng là có căn cứ, chị H đề nghị Tòa án buộc chị Hòa phải trả chị số 160 triệu đồng tiền gốc, còn số tiền lãi chị tự nguyện không yêu cầu là hợp lý, đúng pháp luật; việc chị Hòa cho rằng đã trả chị H 50 triệu đồng là không có căn cứ. Do vậy Hội đồng xét xử cần xem xét buộc chị Hòa phải trả cho chị H số tiền 160.000.000 đồng là đúng quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của chị H được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Chị Hòa phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ng đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các điều: 463, 465, 466, 469 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Thu H. Buộc chị Lê Thu Hòa phải có trách nhiệm trả cho chị Hoàng Thị Thu H số tiền nợ gốc 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng).

Đình chỉ khởi kiện của chị Hà về việc yêu cầu chị Hòa phải trả tiền lãi.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thoả thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thoả thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự

2. Về án phí: Chị Lê Thu Hòa phải chịu 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả chị Hoàng Thị Thu H số tiền 5.190.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0001287 ngày 27/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Ng đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tp. Hải Dương;
- Chi cục THA dân sự TP.Hải Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thành Hưng